

Quý Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13 - 14
Báo cáo kiểm toán độc lập	15 - 16
Báo cáo thu nhập	17
Báo cáo tình hình tài chính	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	20
Báo cáo danh mục đầu tư	21 - 22
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	23 - 24
Thuyết minh báo cáo tài chính	25 - 60

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.861,46 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.814.600 đồng, chiếm 120,86% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 93.597.936.100 đồng tương đương với 9.359.793,61 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHEQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tư nguyên, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 19 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện cáo hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 25,70% và 19,04% so với ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và định giá của đội ngũ đầu tư và rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế ví mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn từ 100 được niêm yết trên HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 251.122.968.217 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 9.359.793,61 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)
Danh mục chứng khoán	85,83	72,11	82,01
Tài sản khác	14,17	27,89	17,99
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chỉ tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	251.122.965.217	193.307.376.421	200.755.055.682
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	9.359.793,61	9.056.786,34	10.181.438,91
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	26.629,96	21.343,97	19.717,74
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	27.193,79	21.343,97	20.441,92
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	21.075,90	15.912,72	18.754,23
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ (b)	25,70	8,25	4,02
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	23,63	4,99	1,27
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	2,07	3,25	2,75
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,15	2,24	2,03
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	27,86	41,48	27,79

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giới đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
1 năm (từ 1/1/2021 đến 31/12/2021)	25,70	19,04
3 năm (từ 1/1/2019 đến 31/12/2021)	41,53	38,21
3 năm (bình quân năm)	12,28	11,39
Từ khi thành lập	168,30	120,95
Từ khi thành lập (bình quân năm)	13,08	10,38

4. Tăng trưởng hàng năm

Chỉ tiêu	Năm 2021 (%)	Năm 2020 (%)	Năm 2019 (%)
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	25,70	8,25	4,02

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Kinh tế Việt Nam hồi phục khả quan trong quý 4/2021 sau khi các đợt phong tỏa trên diện rộng trong đợt bùng phát dịch Covid-19 trong quý 3 dần được nới lỏng. Tuy vậy, sự hồi phục trong quý cuối của năm 2021 không đủ để bù đắp các ảnh hưởng kinh tế nghiêm trọng do đại dịch Covid-19 gây ra trong quý 3 khi GDP suy giảm mạnh 6%. Do đó, kết thúc năm 2021, kinh tế Việt Nam đạt tăng trưởng thấp nhất kể từ khi Việt Nam thực hiện chính sách Đổi mới từ năm 1986. Về mặt tích cực, kinh tế Việt Nam tiếp tục được hưởng lợi khi nhu cầu tiêu dùng trên thế giới hồi phục mạnh mẽ và điều này được thể hiện rõ qua số liệu tăng trưởng của xuất khẩu. Lạm phát và tỷ giá cũng được kiểm soát tốt, cụ thể như sau:

- ▶ Tăng trưởng GDP đạt 5,2% trong quý 4 và 2,6% trong cả năm 2021. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng, vốn đóng góp 37,9% của GDP, vẫn là động lực tăng trưởng chính (+5,8% trong quý 4 và +4,1% trong cả năm), chủ yếu nhờ ngành Công nghiệp Chế biến Chế tạo duy trì đà tăng trưởng (+8,3% trong quý 4 và +8,4% trong cả năm). Khối Nông, Lâm, Ngư nghiệp cũng tăng trưởng khả quan, đạt 2,0% trong năm 2021, tốc độ tăng trưởng cao nhất từ năm 2018. Khu vực Dịch vụ, khối ngành lớn nhất của nền kinh tế, bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi đại dịch và vì vậy chỉ tăng trưởng thấp 1,2% so với cùng kỳ trong năm 2021, thấp hơn mức tăng trưởng 2,3% trong năm 2020 và 7,3% trong năm 2019.
- ▶ Xuất khẩu, sau khi bị gián đoạn trong quý 3, đã nhanh chóng quay lại đà tăng trưởng với mức tăng 19,6% so với cùng kỳ trong quý 4. Tính cả năm 2021, xuất khẩu tăng 19,0% so với cùng kỳ và đạt 336,3 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực và các thị trường chính đều ghi nhận sự tăng trưởng. Đáng chú ý là thị trường Hoa Kỳ, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với mức tăng trưởng cao 24,6% so với cùng kỳ. Nhập khẩu tăng trưởng với tốc độ cao hơn, 20,5%, từ mức cơ sở thấp trong năm 2020 và đạt 332,2 tỷ USD. Theo đó, thặng dư thương mại năm 2021 ước đạt 4,1 tỷ USD

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

- Vốn FDI cấp phép mới và đăng ký bổ sung đạt 24,3 tỷ USD, tăng trưởng 15,2% so với cùng kỳ và chủ yếu đến từ vốn đăng ký tăng thêm của các dự án hiện hữu (tăng 40,5% so với cùng kỳ lên 9 tỷ USD). Tổng vốn FDI giải ngân đạt 19,7 tỷ USD, thấp hơn 1,2% so với năm 2020, tuy nhiên vẫn cao hơn 13,1% so với mức trung bình 5 năm trước đại dịch là 17,5 tỷ USD.
- Mặc dù giá nhiên liệu và chi phí vận tải quốc tế tăng mạnh cũng như sự gián đoạn chuỗi sản xuất và cung ứng trong nước trong quý 3, lạm phát vẫn ở mức thấp. CPI trung bình năm 2021 tăng 1,8% so với cùng kỳ, mức thấp nhất từ năm 2018 và chủ yếu do giá thịt lợn, yếu tố chính dẫn đến nền CPI năm trước tăng mạnh, đã giảm đáng kể và chi phí đi lại và giáo dục cũng giảm. Ngoài ra, cầu tiêu dùng trong nước sụt giảm vì ảnh hưởng của đợt bùng phát dịch Covid-19, thể hiện qua tổng doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giảm 3,8% so với cùng kỳ trong năm 2021, cũng đã hạn chế khả năng tăng giá của các nhà sản xuất, mặc dù chi phí sản xuất tăng.
- Đồng VND vẫn ổn định và tăng nhẹ về mặt giá trị so với đồng USD ở mức 1,3% trong năm 2021.
- Tăng trưởng tín dụng dần tăng tốc trong năm. Sau khởi đầu tốt với mức tăng 3,0% trong quý 1, tín dụng tiếp tục tăng trưởng tích cực 8,4% tính đến cuối quý 2 nhưng trì trệ và chỉ đạt 7,9% vào cuối quý 3 khi các đợt phong tỏa làm gián đoạn hoạt động kinh doanh và đầu tư. Tín dụng tăng trưởng nhanh trở lại trong quý 4 và đạt mức 13,5% cho cả năm 2021 khi các hoạt động kinh tế được tái khởi động và sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận điều chỉnh tăng dự nợ tín dụng của nhiều ngân hàng.

2. Thị trường trái phiếu

Trong năm 2021, 318,2 nghìn tỷ Trái phiếu Chính phủ được phát hành, hoàn thành 91% kế hoạch ban đầu và 85% kế hoạch điều chỉnh. Lợi tức lãi cả các kỳ hạn đã giảm khoảng 15-20 điểm phần trăm. Thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng, một phần do tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước kiểm soát chặt, một phần do Ngân hàng Nhà nước liên tục mua vào USD, đã duy trì cầu Trái phiếu Chính Phủ và theo đó đóng vai trò chính trong việc lợi tức suy giảm. Về phía cung, Kho bạc Nhà nước không chịu áp lực hoàn thành kế hoạch phát hành do liên độ giải ngân chậm ngân sách cho các dự án đầu tư công (hoàn thành 84,3% kế hoạch năm, 8,6% thấp hơn năm 2020).

Gợi kích thích kinh tế 347 nghìn tỷ đồng vừa được thông qua dự kiến sẽ làm tăng thêm huy động ngân sách thêm 240 nghìn tỷ trong vòng 2 năm. Kho bạc Nhà nước chưa công bố kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ cho năm 2022, nhưng để thực hiện gợi kích thích kinh tế, dự kiến khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành sẽ lớn hơn khối lượng đã phát hành trong năm 2021. Do các ngân hàng thương mại vẫn còn dư địa tăng tỷ trọng trái phiếu Chính phủ trên bảng cân đối tài sản của mình, việc tăng phát hành thêm trên 100 nghìn tỷ Trái phiếu Chính phủ mỗi năm sẽ không tạo thêm quá nhiều áp lực lên thanh khoản của hệ thống, nhưng sẽ tạo các áp lực không nhỏ lên lợi tức trái phiếu, đặc biệt khi lượng trái phiếu Chính phủ sẽ đáo hạn trong năm 2022 rất khó (khoảng 40 nghìn tỷ đồng so với 162 nghìn tỷ đồng đáo hạn trong năm 2021).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu (tiếp theo)

Theo số liệu của HNX, trong năm 2021, 579,8 nghìn tỷ đồng trái phiếu đã được phát hành tăng 18% (40% cao hơn khối lượng phát hành trong năm 2021) và 26,3 nghìn tỷ đồng phát hành ra công chúng (9,5% thấp hơn khối lượng phát hành trong năm 2020). Các công ty bất động sản dẫn đầu khối lượng phát hành, chiếm ~43%, tiếp theo là các tổ chức tín dụng với trên 35% tổng khối lượng phát hành. Lợi tức trái phiếu ngân hàng kỳ hạn 2 năm và 3 năm liên tục giảm, từ khoảng 4% đầu năm xuống dưới 3% vào Quý 4 2021. Các trái phiếu kỳ hạn dài với lãi suất thả nổi có biên lợi tức so với lãi suất huy động 12 tháng duy trì khá ổn định trong năm, khoảng 0,9%-1,0% cho trái phiếu kỳ hạn 8-10 năm phát hành bởi các ngân hàng nhóm 1, 1,5%-1,7% cho kỳ hạn 7 năm phát hành bởi các ngân hàng nhóm 2 và 2,3%-2,5% cho kỳ hạn 7 năm phát hành bởi các ngân hàng nhóm 3. Lợi tức trái phiếu phát hành bởi các công ty bất động sản phân hóa lớn trong năm 2021. Các công ty lớn với tình hình tài chính lành mạnh có thể phát hành với mức lãi suất khoảng 9% so với mức 10% trong năm 2020. Tuy nhiên, các công ty nhỏ với mức độ rủi ro cao hơn vẫn phải chấp nhận mức lãi suất trên 10%. Lợi tức trái phiếu phát hành bởi các công ty năng lượng cũng có sự sụt giảm tương đối trong năm 2021, từ mức trên 10% trong năm 2020 xuống trên 8% trong năm 2021, một phần do các ngân hàng giảm lãi suất cho vay đối với nhóm ngành này và một phần do nhu cầu vốn của nhóm này giảm mạnh, khi nhiều các nhà máy năng lượng tái tạo đã đi vào hoạt động đúng hạn.

3. Thị trường cổ phiếu

Sau khi giảm 4,7% trong quý 3/ 2021, chỉ số VNI đã lấy lại đà tăng trưởng trong quý 4, tăng 11,6% và kết thúc năm 2021 với mức tăng ấn tượng 35,7%. Chỉ số VNI đã tăng trưởng vượt trội hơn so với hầu hết các chỉ số chứng khoán trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong quý 4 và cả năm 2021.

Chỉ số VNI trong tăng trưởng mạnh trong năm nhờ sự hỗ trợ bởi các yếu tố sau:

- Chiến dịch tiêm chủng hiệu quả của Chính phủ giúp các nhà đầu tư tin rằng rủi ro xảy ra một đợt cách ly diện rộng nữa là không đáng kể, ngay cả trong bối cảnh biến chủng Omicron đang bùng phát trên toàn thế giới.
- Chính sách tiền tệ của Việt Nam được dự báo vẫn sẽ theo chiều hướng hỗ trợ tăng trưởng, chủ yếu do lạm phát trong nước vẫn ở mức thấp và trọng tâm kiểm soát, ngay cả khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định thắt chặt hơn các chính sách của mình dưới áp lực lạm phát.
- Tâm lý nhà đầu tư được hỗ trợ một cách tích cực bởi các cuộc thảo luận xung quanh gói kích cầu mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất vào tháng 11 năm 2021.
- Tổng lợi nhuận của các công ty niêm yết trong VNI trong năm 2021 vẫn tăng trưởng 39,9%¹ so với cùng kỳ năm ngoái bất chấp các ảnh hưởng nghiêm trọng từ các đợt giãn cách trên diện rộng.
- Yếu tố quan trọng nhất vẫn là dấu ấn của các nhà đầu tư cá nhân trong nước, vốn đã mua ròng kể từ quý 4 năm 2020 và hiện chiếm hơn 85%² giá trị giao dịch toàn thị trường. Đã có hơn 1,5 triệu tài khoản được mở, nhiều hơn tổng số tài khoản được mở trong bốn năm trước đó 2016-2020 trong năm 2021. Tính đến cuối năm 2021, số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt hơn 4,1 triệu, tương đương 4,2% dân số.

¹ Theo báo cáo của VNDS tại ngày 09/02/2022

² Theo báo cáo của VDSC tại ngày 31/12/2021

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

3. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Tính cả 12 tháng năm 2021, tổng giá trị giao dịch của cả ba sản chứng khoán đạt khoảng 288,9 tỷ USD, cao hơn gần 2,6 lần so với tổng giá trị giao dịch của năm 2020. Nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 2,7 tỷ USD² trên cả ba sản chứng khoán tính cho cả năm 2021, đây là mức bán ròng kỷ lục trong nhiều năm. Điểm tích cực là lượng bán ròng của khối ngoại đầu đã được nhà đầu tư trong nước hấp thu hết.

Cho cả năm 2021, tất cả các ngành đều tăng trưởng, trong đó ngành có mức tăng cao nhất là Công nghệ Thông tin (+88,8%). Đứng thứ hai là ngành Hàng Tiêu dùng Không thiết yếu (+50,7%). Ngành tăng giá thấp nhất trong năm 2021 là ngành Hàng Tiêu dùng Thiết yếu với mức tăng giá chỉ 10,3%. Trên phạm vi toàn thị trường, trong cả năm 2021, cổ phiếu vốn hóa nhỏ dẫn đầu với mức sinh lời 101,9%, tiếp theo là cổ phiếu vốn hóa trung bình và vốn hóa lớn với mức sinh lời lần lượt là 76,4% và 43,4%.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	2,07	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (b)	23,63	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	26,70	13,09
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	251.122.988.217	193.307.376.421	28,91
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	26.829,96	21.343,97	25,70

² Theo số liệu thông kê của HNX & HSX

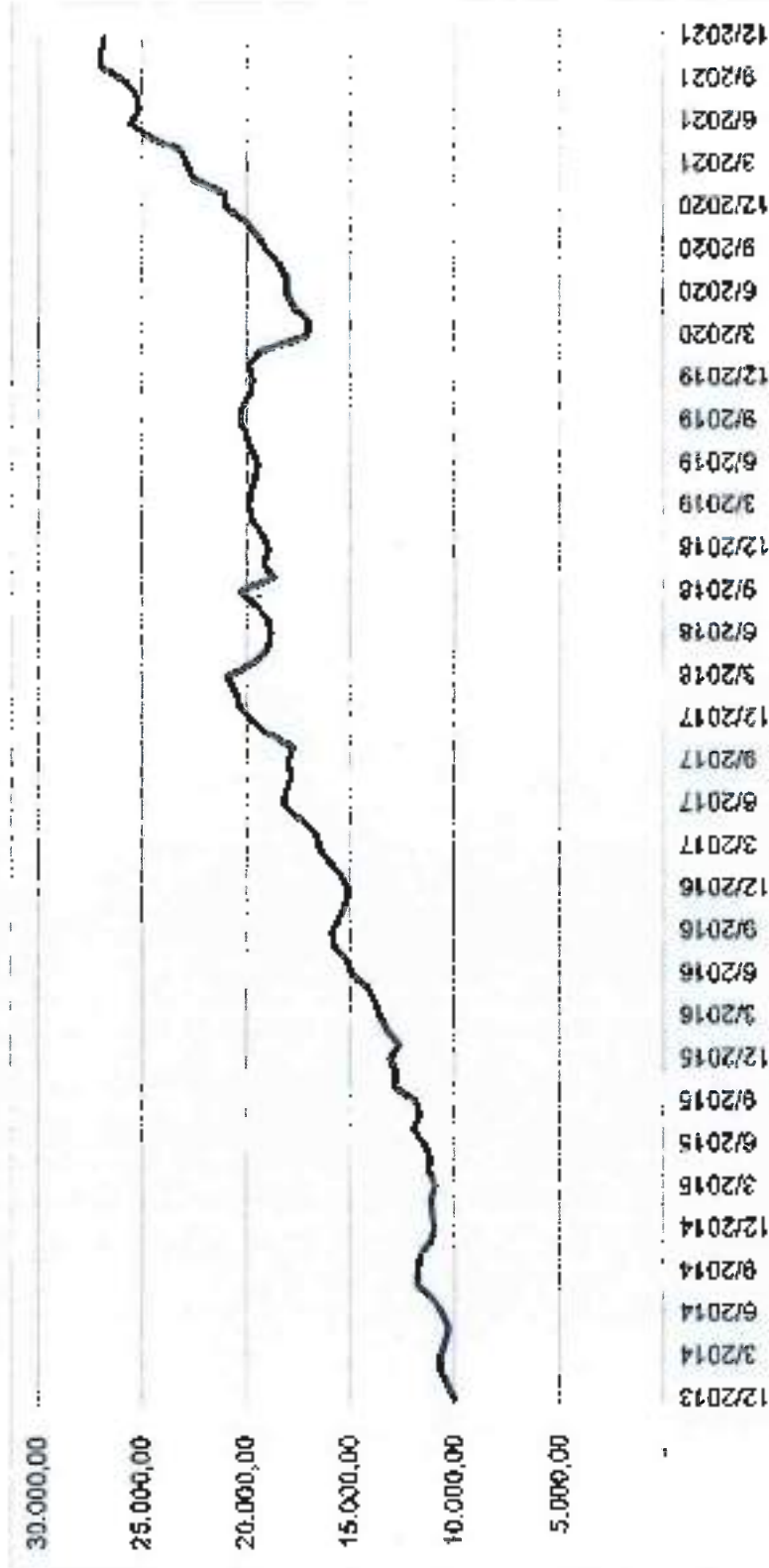
**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chỉ tiêu hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Điều chỉnh đối giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thông kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	1.133	1.377.282,35	14,71
Từ 5.000 đến 10.000	103	708.655,22	7,67
Từ 10.000 đến 50.000	70	1.390.595,55	14,86
Từ 50.000 đến 500.000	8	1.079.419,51	11,53
Trên 600.000	3	4.803.660,98	51,32
Tổng cộng	1.317	9.358.793,61	100,00

3. Chi phí ngấm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2022, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ chuyển dịch từ trạng thái bị chi phối bởi diễn biến của đại dịch và nhu cầu dồn nén sang giai đoạn bình thường mới với ít biến động hơn và có tốc độ tăng trưởng thấp hơn, mặc dù vẫn ở trên mức tăng trưởng trung bình. Theo khảo sát gần đây của Bloomberg với 35 tổ chức tài chính, GDP toàn cầu trong năm 2022 được dự báo tăng 4,4%⁴ sau khi tăng mạnh 5,9% trong năm 2021. GDP của hầu hết các nền kinh tế đã quay lại bằng hoặc vượt mức trước đại dịch. Vì hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới đã ổn định và khởi sắc, các gói hỗ trợ và kích thích kinh tế được triển khai trong giai đoạn đại dịch sẽ dần được rút lại. Một lý do quan trọng nữa là lạm phát đang ở mức cao nhất trong nhiều năm. Một số ngân hàng trung ương của các nền kinh tế lớn đã đề ra lộ trình thắt chặt tiền tệ sớm hơn dự tính ban đầu. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã công bố kế hoạch kết thúc các gói nới lỏng định lượng và gửi đi thông điệp rằng lãi suất sẽ được điều chỉnh tăng trong năm 2022. Tuy nhiên, chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn trên thế giới trong năm nay được dự báo là vẫn theo xu hướng hỗ trợ để duy trì đà hồi phục kinh tế.

Nền kinh tế Việt Nam được dự báo là sẽ trở lại quỹ đạo tăng trưởng với mức tăng 6,5-7% một năm vào năm 2022, từ mức tăng trưởng thấp nhất kể từ khi "Đổi mới" trong năm 2021. Hoạt động ngoại thương sẽ duy trì đà phát triển khi nền kinh tế toàn cầu được dự báo vẫn sẽ tăng trưởng trên mức trung bình. Tiêu dùng nội địa cũng sẽ tiếp tục phục hồi sau khi nền kinh tế mở cửa trở lại gần như hoàn toàn và các đợt giãn cách xã hội nghiêm trọng như trong năm 2021 được tin là sẽ không xảy ra. Tốc độ phục hồi của tiêu dùng nội địa sẽ được hỗ trợ thêm bởi gói hỗ trợ phục hồi kinh tế trị giá hơn 15,0 tỷ USD (khoảng 4,9% GDP) đã được phê duyệt gần đây, bao gồm cả các biện pháp tài khóa và tiền tệ.

⁴ Theo Bloomberg tại ngày 10/01/2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BAO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Tăng trưởng kinh tế như dự báo sẽ cùng có triển vọng lợi nhuận khá quan của doanh nghiệp trong năm 2022. Hầu hết các ngành đang có điều kiện kinh doanh thuận lợi hoặc được cải thiện đáng kể so với năm trước. Trường hợp ngoại lệ có thể là các công ty đã được hưởng lợi từ sự tăng giá mạnh mẽ của các loại hàng hóa và từ sự gián đoạn chuỗi cung ứng trong năm trước khi giá hàng hóa và chuỗi cung ứng toàn cầu được dự báo sẽ dần trở về mức ổn định. Theo tổng hợp của Bloomberg, kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2022 của các công ty trong chỉ số VN-Index là 27,1%⁶. Điều đó có nghĩa là định giá của thị trường theo chỉ số P/E dự phóng năm 2022 là 14,0 lần. Đây vẫn là mức định giá hợp lý so với mức định giá P/E bình quân trung vị (15,0 lần) và mức cao nhất (21,4 lần) của chỉ số VNI trong giai đoạn 10 năm trước.

Triển vọng là tích cực nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam có thể có nhiều biến động trong năm 2022. Khi các nước phát triển, bao gồm Mỹ, giảm các biện pháp hỗ trợ tiền tệ như dự báo, các tài sản rủi ro bao gồm cổ phiếu sẽ bị tác động. Bất kỳ biến động lớn nào trên thị trường chứng khoán toàn cầu đều có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của các nhà đầu tư trong nước, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân. Lạm phát có thể là một rủi ro khác. Sự hồi phục của nhu cầu tiêu dùng trong nước, các chính sách kích thích kinh tế và áp lực giá nguyên liệu hàng hóa toàn cầu là những lý do khiến lạm phát trong nước trở nên đáng chú ý hơn trong năm 2022. Bên cạnh đó, định giá cổ phiếu đang có sự phân hóa rõ rệt khi các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ đang có mức định giá cao, đồng nghĩa với rủi ro điều chỉnh lớn.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

⁶ Theo Bloomberg tại ngày 10/01/2022



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:
- ✓ Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 10, Điều lệ Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thường niên thông qua có hiệu lực từ tháng 04 năm 2020 tới tháng 04 năm 2021 quy định: "Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường bản tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Điều lệ Quỹ có giá trị từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ sẽ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản Quỹ". Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 27 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 01 năm 2021, tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do Điều lệ Quỹ chưa cập nhật việc loại trừ các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi ra khỏi các khoản đầu tư vào giấy tờ có giá khi tính tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục đầu tư lớn như quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC. Quỹ đã xây dựng Điều lệ Quỹ sửa đổi để cập nhật các thay đổi theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan để trình Đại hội nhà đầu tư thường niên và được thông qua vào ngày 15 tháng 04 năm 2021.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ định giá khác trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 10, Điều lệ Quỹ.





- Theo Điểm d, khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98") và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: "Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 21 tháng 07 năm 2021 đến ngày 31 tháng 07 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ và Quỹ thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ định giá khác trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ để phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.



Bùi Thị Huyền Trang

Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

NHẬN VIÊN GIÁM SÁT

Trương Thị Hoàng Yến

Nhân viên bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 61141E24J22722453

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 17 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tình hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0785-2019-004-1

Vũ Tiên Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		48.408.501.629	18.118.362.041
02	1.1 Cổ tức được chia		2.690.334.815	3.334.417.600
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	5.204.850.211	6.772.669.644
04	1.3 Lãi/lỗ bán các khoản đầu tư	15	10.934.642.750	(15.091.311.904)
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	29.878.673.853	23.902.696.701
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		144.130.141	152.210.791
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	18	144.130.141	152.210.791
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		4.190.040.388	3.900.424.491
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	26.1	3.023.146.930	2.711.457.714
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	17	251.088.263	289.057.093
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	26.2	237.600.000	237.600.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	25.2	237.600.000	237.600.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí hợp. Đại hội Quỹ mở		33.926.859	36.918.483
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		145.200.000	145.200.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	129.478.328	130.591.191
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		44.074.331.108	14.065.726.768
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		158.664.960	129.357.531
24.1	6.1 Thu nhập khác	19	158.664.960	129.357.531
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		44.230.996.068	14.195.084.300
31	6.1 Lợi nhuận/lỗ đã thực hiện		14.552.322.215	(9.707.812.401)
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	29.878.673.853	23.902.696.701
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		44.230.996.068	14.195.084.300

Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	28.989.914.713	21.243.175.890
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		5.543.706.466	4.702.380.553
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		23.426.209.248	16.540.795.337
120	2. Các khoản đầu tư thuần		221.413.233.895	189.949.434.205
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	221.413.233.895	189.949.434.205
130	3. Các khoản phải thu		1.745.460.233	2.885.212.751
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.745.460.233	2.885.212.751
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	1.745.460.233	2.885.212.751
100	TỔNG TÀI SẢN		282.128.608.841	184.077.822.846
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	115.452.742	39.907.858
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		12.865.193	6.380.889
316	3. Chi phí phải trả	8	72.600.000	145.200.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	287.829.777	141.004.891
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	124.494.491	124.494.491
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	992.398.221	313.458.495
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.005.640.424	770.446.425
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NHÀ GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		251.122.968.217	183.307.376.421
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		93.597.936.100	90.567.663.400
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	291.485.225.300	258.919.708.900
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(197.867.289.200)	(168.352.043.500)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	12	12.180.487.058	1.626.174.046
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	145.344.636.049	101.113.536.981
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	12	26.829,96	21.343,87

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (bổp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	12	9.358.793,61	9.056.766,34

Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	193.307.378.421	200.755.055.882
II	Thay đổi NAV so với năm trước	44.230.996.068	14.196.084.300
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	44.230.996.068	14.196.084.300
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	13.594.695.728	(21.642.753.561)
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	83.403.031.283	18.182.928.293
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(69.818.435.555)	(39.825.691.854)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	251.122.968.217	193.307.378.421



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - (Khai) điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá trị trung bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
1	Cổ phiếu niêm yết			174.017.355.200	69,02
1	ACB	128.691	34.500	4.370.839.500	1,73
2	ACV	40.800	87.000	3.549.800.000	1,41
3	BID	191.801	37.100	7.115.817.100	2,82
4	BVH	127.190	56.000	7.122.640.000	2,83
5	BWE	127.220	42.900	6.457.738.000	2,17
6	CTG	184.964	39.900	6.270.279.600	2,49
7	FPT	162.992	93.000	15.158.256.000	6,01
8	GMD	26.000	47.300	1.192.500.000	0,47
9	HPG	140.565	46.400	6.522.216.000	2,59
10	IMP	61.996	77.800	4.044.510.800	1,60
11	MBB	399.398	28.900	11.253.602.200	4,46
12	MWG	89.540	135.900	12.141.306.000	4,62
13	NCT	29.800	82.200	2.448.560.000	0,97
14	NLG	164.708	64.200	10.674.126.200	4,19
15	PNJ	59.579	98.200	5.731.499.600	2,27
16	PVS	193.345	27.300	5.278.318.600	2,08
17	QNS	135.200	48.400	6.543.680.000	2,60
18	REE	63.340	69.100	4.376.794.000	1,74
19	SAB	24.000	151.000	3.824.000.000	1,44
20	STB	109.000	31.600	5.953.500.000	2,36
21	VHC	70.010	62.800	4.398.628.000	1,74
22	VHM	118.616	82.000	9.578.912.000	3,60
23	VIC	117.000	85.100	11.126.700.000	4,41
24	VNM	100.648	86.400	8.896.987.200	3,45
25	VRE	158.900	30.100	4.762.890.000	1,90
26	VTP	89.889	74.700	6.716.465.300	2,66

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
II	Trái phiếu			42.395.878.495	16,82
1	Trái phiếu niêm yết			22.877.799.350	9,00
1.1	- MSN11906	150.000	101.200	15.179.961.000	6,02
1.2	- HDG121001	75.000	99.971	7.497.838.350	2,98
2	Trái phiếu chưa niêm yết			18.718.079.145	7,62
2.1	- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	127	100.135.082	12.717.155.414	5,04
2.2	- Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP	9.980	100.293	1.000.923.731	0,40
2.3	- Trái phiếu CTCP Chứng khoán Rồng Việt	6.000	1.000.000	6.000.000.000	2,38
III	Các tài sản khác			1.745.480.233	0,68
1	Dự thu cổ tức			386.882.600	0,15
2	Dự thu lãi trái phiếu			1.237.291.578	0,48
3	Dự thu lãi chứng chỉ tên gửi			84.136.966	0,03
4	Dự thu lãi tiền gửi			57.149.069	0,02
IV	Tiền			33.969.914.713	13,47
1	Tiền gửi ngân hàng			28.989.914.713	11,49
1.1	- Tiền gửi thanh toán			5.543.705.465	2,20
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			23.426.209.248	9,29
2	Chứng chỉ tiền gửi			5.000.000.000	1,98
V	Tổng giá trị danh mục			252.128.608.641	100,00



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		44.230.996.066	14.196.004.309
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(29.751.273.853)	(23.830.096.701)
03	Trong đó:			
04	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(29.670.673.853)	(23.902.696.701)
	Chi phí trích trước		(72.600.000)	72.600.000
06	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		14.479.722.213	(9.636.012.401)
20	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(21.786.126.837)	51.894.822.573
06	Giảm/phải thu bán chứng khoán đầu tư		.	1.174.852.800
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		1.139.762.518	(1.157.262.233)
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		75.544.883	(70.095.160)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.484.304	4.693.208
14	Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		146.825.086	(618.395.309)
17	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		78.939.726	(46.019.020)
19	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(5.857.556.905)	41.347.584.658
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	83.403.031.283	16.182.928.293
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(80.818.435.555)	(39.025.691.854)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		12.584.595.728	(21.642.763.561)
40	III. Tăng tiền thuần trong năm		7.726.738.823	19.704.820.897

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

B06-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	21.243.175.890	1.538.354.893
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		21.243.175.890	1.538.354.893
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		20.977.676.708	854.460.402
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		16.540.796.337	-
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		4.436.881.371	854.460.402
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư và mua bán chứng chỉ quỹ		285.498.182	883.894.491
56	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	26.969.914.713	21.243.175.890
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		26.969.914.713	21.243.175.890
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		26.657.590.445	20.977.676.708
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		23.426.209.246	16.540.796.337
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		5.131.381.197	4.436.881.371
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư và mua bán chứng chỉ quỹ		412.324.268	285.498.182
60	VI. Chính lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		7.726.738.823	10.704.820.997


Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc


Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu


Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B08-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHEQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 93.597.936.100 đồng, tương đương với 9.359.793,61 chứng chỉ quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

BOG-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2. Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có chất lượng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HNX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HNX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tình bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-ĐTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tin dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phải sinh niên yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- a) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- b) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đáng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản và loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- c) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- d) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - TBF;
- e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- f) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- g) Phải có chứng khoán của ít nhất 08 tổ chức phát hành;
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (g) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại Điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh tại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 188/2012/TT-BTC ("Thông tư 188") ngày 16 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 18 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (thay thế Thông tư số 183/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoặc đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành).

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.3).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 190, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 190 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư và mua, bán chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản tài lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 15 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, nơi ngoại tệ của Quỹ đang gửi, tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi kỳ kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tin phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	<p>Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào thời gian nắm giữ công cụ và lãi suất chiết khấu là một trong các mức lãi suất sau đây theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất trung thầu; hoặc - Lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân giá quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường như quy định dưới đây; giá thị trường là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết bình quân giá quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, không có biến động bất thường như quy định dưới đây, tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá nhưng không quá sáu mươi (60) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
6.	Trái phiếu niêm yết (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế. - Giá trái phiếu được xem là có biến động bất thường nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá của cùng ngày giao dịch. + Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá của kỳ báo cáo gần nhất.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn năm giờ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đầu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tải ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang chờ làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang chờ làm thủ tục niêm yết) (tiếp theo)	<p>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính hạn gồm Ngày Định Giá); hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
12.	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu - Giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền}</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua/Số lượng quyền mua sở hữu
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính hạn bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</p> <p>Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá mua cộng lãi lũy kế (nếu có) - Phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận lương tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân giá quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-QM

J. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lấy kể phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lấy kể phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở ký gán nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong tương hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán các khoản đầu tư được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán tại mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 thì Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng năm tối đa sẽ là 1,50% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quý chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 98/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10946/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 và chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B08-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư (tiếp theo)

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và tái trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 6% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2016, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quý quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quý bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quý bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phân ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nêu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	5.131.381.197	4.438.881.371
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	412.324.268	265.499.182
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	<u>23.426.209.248</u>	<u>16.540.795.337</u>
	<u>29.969.914.713</u>	<u>21.245.175.890</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch do đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VNĐ
			Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Cổ phiếu niêm yết	117.114.118.921	174.017.355.200	57.731.097.645	(827.861.388)	174.017.355.200
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	22.705.251.028	22.677.798.350	-	(27.451.678)	22.677.798.350
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	19.717.693.825	19.718.079.145	386.373	(53)	19.718.079.145
Chứng chỉ tiền gửi (c)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
	194.537.063.774	221.412.233.695	57.731.493.018	(855.313.097)	221.412.233.695
Ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Cổ phiếu niêm yết	76.778.385.411	103.769.496.400	27.755.649.020	(764.519.031)	103.769.496.400
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	23.256.406.259	23.336.189.650	79.783.421	-	23.336.189.650
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	12.717.155.467	12.843.748.125	126.592.658	-	12.843.748.125
Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	142.761.928.137	159.949.434.205	27.962.028.099	(764.519.031)	159.949.434.205

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập

29.678.673.863

(a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Đô phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất từ 8,75%/năm đến 10,25%/năm, trả 6 tháng/lần.

(b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Đô, Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt phát hành, kỳ hạn từ 1 năm đến 3 năm, lãi trả hàng tháng, hàng quý hoặc 6 tháng/lần.

(c) Các chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam phát hành, kỳ hạn 3 năm.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Dự thu cổ tức	388.882.800	3.000
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	1.237.291.578	1.194.124.657
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	84.138.988	1.469.292.877
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	57.149.089	221.862.217
	<u>1.746.400.233</u>	<u>2.888.212.751</u>

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả cho các Đại lý phân phối	28.638.360	19.953.930
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	86.813.382	19.953.929
	<u>115.452.742</u>	<u>39.907.859</u>

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phí kiểm toán	72.600.000	145.200.000

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch	287.829.777	141.004.801

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán	124.484.481	124.484.481

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B08-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	322.038.221	243.088.485
Phải trả dịch vụ lưu ký - báo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	1.760.000	1.760.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	<u>392.398.221</u>	<u>313.458.495</u>

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ BỜ HỮU

	<u>Số đầu năm VNĐ</u>	<u>Phát sinh trong năm VNĐ</u>	<u>Số cuối năm VNĐ</u>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	25.891.970,69	3.258.561,84	29.148.522,53
Giá trị ghi theo mệnh giá	258.919.708.900	32.585.518.400	291.485.225.300
Thặng dư vốn	<u>140.005.941.825</u>	<u>50.837.512.883</u>	<u>190.843.454.508</u>
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	398.925.648.625	83.403.031.283	482.328.679.808
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(18.838.204,36)	(2.953.524,57)	(19.798.728,92)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(168.352.043.500)	(29.536.245.700)	(197.887.289.200)
Thặng dư vốn	<u>(138.379.787.585)</u>	<u>(40.283.169.855)</u>	<u>(178.662.957.440)</u>
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(306.731.811.065)	(89.818.435.555)	(396.550.246.640)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	<u>9.056.766,34</u>	<u>303.027,27</u>	<u>9.369.793,61</u>
Giá trị vốn góp hiện hành	<u>92.183.837.440</u>	<u>13.804.896.728</u>	<u>105.970.433.168</u>
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>101.113.638.961</u>	<u>44.230.998.069</u>	<u>145.344.538.049</u>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	<u>193.307.376.421</u>		<u>251.122.968.217</u>
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	<u>21.343,97</u>		<u>25.829,96</u>

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<u>Năm nay VNĐ</u>	<u>Năm trước VNĐ</u>
Lợi nhuận đã thực hiện	88.468.355.128	73.918.032.813
Lợi nhuận chưa thực hiện	58.876.179.921	27.197.608.068
	<u>145.344.535.049</u>	<u>101.113.538.961</u>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Tiền lãi từ trái phiếu	3.560.009.271	3.878.113.704
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	1.085.520.547	1.484.383.561
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	541.833.630	1.412.042.782
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	7.688.783	18.049.587
	6.204.850.211	6.772.559.644

16. LÃI(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i>		
	<i>Tổng giá trị bán trong năm</i> VND	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i> VND	<i>Lãi(Lỗ) bán chứng khoản trong năm</i> VND
Cổ phiếu	34.408.777.800	23.402.292.480	11.004.485.310
Trái phiếu niêm yết	8.000.000.000	8.069.842.560	(69.842.560)
	42.408.777.800	31.472.135.050	10.934.642.750
	<i>Năm trước</i>		
	<i>Tổng giá trị bán trong năm</i> VND	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i> VND	<i>Lãi(Lỗ) bán chứng khoản trong năm</i> VND
Cổ phiếu	74.920.727.100	90.689.903.525	(15.769.176.425)
Trái phiếu niêm yết	7.000.000.000	7.142.135.479	(142.135.479)
Trái phiếu chưa niêm yết	12.000.000.000	12.000.000.000	-
	93.920.727.100	109.812.038.004	(15.891.311.904)

18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	94.835.680	44.434.915
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	48.933.227	106.292.533
Chi phí giao dịch khác	381.234	1.483.343
	144.130.141	162.210.791

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, giao dịch của Quỹ thực hiện thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng Công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)	
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ(*) VNĐ (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%) (6)=[4]/(5)		Phí giao dịch bình quân (%) (7)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chi Minh	Không liên quan	37.004.440.000	112.972.538.240	32,76	0,15	0,00 - 0,15
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rạng Việt	Không liên quan	23.227.296.000	112.972.538.240	20,56	0,10	0,00 - 0,15
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	16.795.685.000	112.972.538.240	14,87	0,15	0,00 - 0,15
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bán Việt	Không liên quan	11.837.585.000	112.972.538.240	10,48	0,15	0,00 - 0,15
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	6.834.000.000	112.972.538.240	6,05	0,15	0,00 - 0,15
6	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng	Không liên quan	6.065.970.000	112.972.538.240	5,37	0,12	0,00 - 0,15
7	Công ty CP Chứng khoán MB	Không liên quan	4.201.820.000	112.972.538.240	3,72	0,12	0,00 - 0,15
8	Giao dịch OTC		7.006.363.240	112.972.538.240	6,20	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng			112.972.538.240		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của cổ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và trái phiếu chưa
niêm yết.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	218.000.000	218.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	26.100.000	39.820.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phát trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	8.808.263	13.237.093
	<u>251.008.263</u>	<u>269.057.093</u>

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	5.000.000	6.739.726
Phí ngân hàng	3.695.661	3.551.465
Chi phí khác	782.667	.
	<u>129.478.328</u>	<u>130.891.191</u>

19. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

806-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/Đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng(giảm) NAV/Đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2020	193.307.376.421	9.056.796,34	21.343,97	399,79
Kỳ 1 Tháng 1/2021	198.928.197.967	9.056.796,34	21.743,76	608,60
Kỳ 2 Tháng 1/2021	200.289.341.192	8.960.991,20	22.352,36	(784,84)
Kỳ 3 Tháng 1/2021	174.373.342.324	8.084.986,02	21.567,52	209,84
Kỳ 4 Tháng 1/2021	174.256.642.438	8.001.806,76	21.777,16	(701,26)
Kỳ cuối Tháng 1/2021	167.952.768.985	7.998.948,21	21.076,90	83,50
Kỳ 1 Tháng 2/2021	168.461.975.039	7.969.948,21	21.139,80	627,60
Kỳ 2 Tháng 2/2021	172.113.050.711	7.910.414,47	21.757,40	(9,63)
Kỳ 3 Tháng 2/2021	178.855.239.274	7.955.269,84	22.482,61	724,84
Kỳ 4 Tháng 2/2021	178.484.866.433	7.921.881,37	22.530,87	48,06
Kỳ cuối Tháng 2/2021	180.049.334.749	7.921.881,37	22.727,65	196,98
Kỳ 1 Tháng 3/2021	177.073.928.773	7.843.642,51	22.575,47	(152,18)
Kỳ 2 Tháng 3/2021	177.802.068.379	7.758.819,83	22.916,12	340,65
Kỳ 3 Tháng 3/2021	178.872.152.971	7.806.872,54	22.912,13	(3,99)
Kỳ 4 Tháng 3/2021	176.948.321.938	7.783.518,09	22.733,71	(178,42)
Kỳ cuối Tháng 3/2021	178.899.049.124	7.707.332,76	22.817,10	83,39
Kỳ 1 Tháng 4/2021	178.489.642.341	7.707.332,76	23.288,19	471,09
Kỳ 2 Tháng 4/2021	178.021.980.515	7.672.587,50	23.202,33	(85,86)
Kỳ 3 Tháng 4/2021	179.866.427.395	7.686.889,81	23.373,09	170,76
Kỳ 4 Tháng 4/2021	175.897.327.151	7.687.336,16	22.861,47	(491,62)
Kỳ cuối Tháng 4/2021	177.144.012.555	7.676.370,43	23.076,63	195,06
Kỳ 1 Tháng 5/2021	177.346.164.985	7.676.370,43	23.102,73	26,20
Kỳ 2 Tháng 5/2021	180.201.978.404	7.685.028,26	23.448,32	345,59
Kỳ 3 Tháng 5/2021	181.703.134.447	7.747.479,86	23.453,19	4,87
Kỳ 4 Tháng 5/2021	187.042.888.523	7.697.473,84	24.299,26	846,06
Kỳ cuối Tháng 5/2021	190.066.860.438	7.713.370,00	24.639,79	340,54

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 6/2021	191.369.036.262	7.713.370,00	24.810,04	170,25
Kỳ 2 Tháng 6/2021	188.954.821.297	8.122.379,11	24.494,84	(315,40)
Kỳ 3 Tháng 6/2021	204.043.552.854	8.113.010,96	25.150,16	655,52
Kỳ 4 Tháng 6/2021	207.418.161.425	8.158.524,55	25.420,37	270,21
Kỳ 5 Tháng 6/2021	206.749.166.516	8.160.402,92	25.580,74	160,37
Kỳ cuối Tháng 6/2021	208.278.752.084	8.148.912,31	25.559,08	(21,88)
Kỳ 1/Tháng 7/2021	203.111.243.983	8.003.417,70	24.924,95	(634,13)
Kỳ 2/Tháng 7/2021	197.719.523.829	8.021.557,82	24.761,92	(220,57)
Kỳ 3/Tháng 7/2021	196.505.073.019	8.003.948,63	24.487,12	(207,26)
Kỳ 4/Tháng 7/2021	198.193.177.608	7.996.584,44	25.132,87	264,80
Kỳ Cuối/Tháng 7/2021	200.976.648.761	7.998.684,44	25.323,65	370,75
Kỳ 1/Tháng 8/2021	202.502.761.635	8.017.024,12	25.963,42	190,96
Kỳ 2/Tháng 8/2021	205.744.275.310	8.031.621,14	25.956,59	339,77
Kỳ 3/Tháng 8/2021	205.582.113.887	8.053.410,16	24.813,34	(66,83)
Kỳ 4/Tháng 8/2021	199.832.054.838	8.163.260,00	25.307,49	(783,25)
Kỳ Cuối/Tháng 8/2021	206.542.656.985	8.170.748,15	25.416,51	488,15
Kỳ 1/Tháng 9/2021	207.671.953.562	8.217.994,90	25.517,03	115,02
Kỳ 2/Tháng 9/2021	209.698.886.184	8.230.454,51	25.617,56	100,52
Kỳ 3/Tháng 9/2021	210.844.183.580	8.234.402,31	25.794,88	100,53
Kỳ 4/Tháng 9/2021	212.405.488.811	8.223.599,57	25.832,49	177,32
Kỳ Cuối/Tháng 9/2021	212.435.331.431	8.223.599,57	25.832,49	37,52
Kỳ 1/Tháng 10/2021	213.883.711.104	8.192.939,42	26.008,62	178,12
Kỳ 2/Tháng 10/2021	217.862.094.985	8.214.263,57	26.603,65	595,13
Kỳ 3/Tháng 10/2021	218.065.179.759	8.196.136,30	26.547,13	(56,52)
Kỳ 4/Tháng 10/2021	217.062.269.647	8.204.882,34	26.483,48	(63,65)
Kỳ Cuối/Tháng 10/2021	221.841.570.290	8.204.882,34	27.037,75	554,27

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày bình NAV VNĐ	Tăng/giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 11/2021	221.743.977.330	8.204.882,24	27.025,85	(11,90)
Kỳ 2 Tháng 11/2021	223.559.809.537	8.235.147,53	27.147,03	121,16
Kỳ 3 Tháng 11/2021	225.650.726.472	8.297.974,13	27.193,79	46,76
Kỳ 4 Tháng 11/2021	224.078.662.735	8.300.926,55	26.994,41	(199,36)
Kỳ cuối Tháng 11/2021	249.408.290.700	9.239.743,12	26.952,98	(1,43)
Kỳ 1 Tháng 12/2021	252.376.279.588	9.485.473,46	26.806,81	(366,17)
Kỳ 2 Tháng 12/2021	254.927.344.641	9.510.004,01	26.806,22	199,41
Kỳ 3 Tháng 12/2021	263.901.707.043	9.499.738,56	26.727,23	(78,99)
Kỳ 4 Tháng 12/2021	260.275.976.150	9.367.800,93	26.716,61	(10,62)
Kỳ cuối Tháng 12 2021	261.122.968.217	9.359.783,61	26.829,99	113,35

Giá trị tài sản ròng bình quân năm 201.476.930.664

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức thấp nhất

546,06

(1,43)

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)	Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	<u>9.369.793,81</u>	<u>9.056.766,34</u>

22. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Năm nay (%)	Năm trước (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,15	2,24
Tốc độ vòng quay danh mục	27,86	41,49

22.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập để nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

22.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số vòng quay tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) / 2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

23.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản liên gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Quỹ là 196.696.154.550 đồng. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 19.669.615.455 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 19.669.615.455 đồng.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp. Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

23.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc oac tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và lương đương tiền	28.969.914.713	28.969.914.713	21.243.175.860	21.243.175.890
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	5.543.705.485	5.543.705.465	4.702.360.553	4.702.360.553
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	23.426.209.248	23.426.209.248	16.540.795.337	16.540.795.337
Các khoản đầu tư thuần	221.413.233.695	221.413.233.695	169.949.434.205	169.949.434.205
- Cổ phiếu niêm yết	174.017.355.200	174.017.355.200	103.769.486.400	103.769.486.400
- Trái phiếu doanh nghiệp	42.395.878.495	42.395.878.495	36.179.937.805	36.179.937.805
- Chứng chỉ tiền gửi	5.000.000.000	5.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu	1.745.460.233	1.745.460.233	2.885.212.751	2.885.212.751
	252.128.608.941	252.128.608.641	194.077.823.845	194.077.823.845

Nợ phải trả tài chính

- Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- Chi phí phải trả
- Phải trả cho Nhà đầu tư và mua chứng chỉ quỹ
- Phải trả cho Nhà đầu tư và mua lại chứng chỉ quỹ
- Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở

	115.452.742	115.452.742	39.907.359	39.907.359
	72.600.000	72.600.000	145.200.000	145.200.000
	287.629.777	287.629.777	141.004.691	141.004.691
	124.494.491	124.494.491	124.494.491	124.494.491
	392.396.221	392.396.221	313.458.495	313.458.495
	992.775.231	992.775.231	764.063.535	764.063.535

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư và mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại Thuyết minh 3.3.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

BO6-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

25.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá dịch vụ quản lý quỹ	<u>3.023.148.830</u>	<u>2.711.467.714</u>
Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:		
	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	<u>322.038.221</u>	<u>243.098.485</u>

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thủ lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thủ lao Ban Đại diện Quỹ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

Thủ lao của Ban Đại diện Quỹ không có số dư tại thời điểm cuối năm.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

25.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng đơn vị quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	28,71	2.500.000,00	27,60
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.334.027,88	14,25	1.409.027,88	15,56
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	-	0,00	660.930,47	9,51
Bên liên quan khác		72.759,86	0,78	62.379,00	0,69
		3.908.787,74	41,74	4.632.337,35	63,36

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

25.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Giá dịch vụ giám sát	237.600.000	237.600.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	218.000.000	218.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	26.180.000	39.820.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ	237.600.000	237.600.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	7.686.763	18.049.597
Phí ngân hàng	3.035.661	3.733.950

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Tiền gửi thanh toán	5.543.706.466	4.702.380.653
Phải trả dịch vụ giám sát	18.800.000	18.800.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	1.760.000	1.760.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	18.800.000	18.800.000

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đề trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



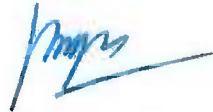
Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022